

**ĐIỂM BÀI THU HOẠCH**

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 05 (Bảo Lâm)

Môn: Phần A.V, VI. Nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Bàn Thị Vân Anh	7,25	Bảy phẩy hai năm	41	Dương Văn Lợi	5,25	Năm phẩy hai năm
2	Hoàng Ngọc Anh	7,00	Bảy	42	Lương Hà Lý	7,00	Bảy
3	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	7,50	Bảy phẩy năm	43	Nguyễn Ngọc Mẫn	7,25	Bảy phẩy hai năm
4	Nông Văn Cường	5,50	Năm phẩy năm	44	Mạc Văn Minh	4,25	Bốn phẩy hai năm
5	Hoàng Cao Cường	6,00	Sáu	45	Nông Văn Minh	5,00	Năm
6	Nguyễn Đức Chinh	8,00	Tám	46	Nông Văn Mộc	4,25	Bốn phẩy hai năm
7	Nông Văn Dũng	5,25	Năm phẩy hai năm	47	Lâu Thị My	5,00	Năm
8	Quan Thị Dung	5,50	Năm phẩy năm	48	Hoa Thị Nga	8,00	Tám
9	Phuong Đình Duy	7,00	Bảy	49	Hoàng Thị Ngân	6,25	Sáu phẩy hai năm
10	Lý Văn Dinh	5,50	Năm phẩy năm	50	Nguyễn Hoàng Ngoan	6,00	Sáu
11	Hà Thị Duyên	8,00	Tám	51	Liên Thị Nguyên	3,00	Ba
12	Hoàng Thị Duyên	7,00	Bảy	52	Mã Văn Nhâm	6,00	Sáu
13	Lãnh Thị Duyên	8,00	Tám	53	Bé Thị Nhung	6,25	Sáu phẩy hai năm
14	Lục Văn Đức	6,00	Sáu	54	Sâm Thị Phiên	6,50	Sáu phẩy năm
15	Mông Thị Diệp	6,50	Sáu phẩy năm	55	Hà Văn Phong	6,00	Sáu
16	Dương Thị Diệp	7,50	Bảy phẩy năm	56	Đặng Văn Quân	6,75	Sáu phẩy bảy năm
17	Dương Văn Định	6,75	Sáu phẩy bảy năm	57	Trần Hùng Quang	7,00	Bảy
18	Nguyễn Thị Thu Hà	8,00	Tám	58	Âu Hoàng Quốc	6,00	Sáu
19	Phan Thị Hạnh	6,50	Sáu phẩy năm	59	Nông Thị Sấn	6,00	Sáu
20	Trịnh Thị Hạnh	7,25	Bảy phẩy hai năm	60	Vương Văn Sinh	6,25	Sáu phẩy hai năm
21	Lã Xuân Hải	7,50	Bảy phẩy năm	61	Vi Văn Sơn	5,25	Năm phẩy hai năm
22	Nông Thị Hậu	7,75	Bảy phẩy bảy năm	62	Phùng Văn Tập	5,75	Năm phẩy bảy năm
23	Ma Xuân Hòa	6,25	Sáu phẩy hai năm	63	Anh Thị Thanh	7,50	Bảy phẩy năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
24	Tô Thị Thu Hoài	6,75	Sáu phẩy bảy năm	64	Mạc Văn Thánh	6,00	Sáu
25	Ma Thị Hoàn	5,75	Năm phẩy bảy năm	65	Hoàng Văn Thành	5,00	Năm
26	Hà Thị Bích Hồng	7,00	Bảy	66	Nguyễn Thị Phương Thảo	6,75	Sáu phẩy bảy năm
27	Mạc Văn Huấn	7,75	Bảy phẩy bảy năm	67	Nông Thị Thảo	6,00	Sáu
28	Nông Thị Huệ	6,50	Sáu phẩy năm	68	Hoàng Thị Thời	8,00	Tám
29	Mã Thị Huệ	6,50	Sáu phẩy năm	69	Lữ Thị Thu	6,25	Sáu phẩy hai năm
30	Nguyễn Như Hùng	7,25	Bảy phẩy hai năm	70	Mạc Thị Thu	6,50	Sáu phẩy năm
31	Hoa Mạnh Hưng	7,00	Bảy	71	Lữ Thu Thủy	5,75	Năm phẩy bảy năm
32	Nông Thị Hương	5,00	Năm	72	Hoàng Lệ Thủy	8,00	Tám
33	Chu Thị Thanh Huyền	7,00	Bảy	73	Lãnh Thị Phương Trang	7,00	Bảy
34	Ngô Văn Khánh	7,25	Bảy phẩy hai năm	74	Triệu Thị Trang	6,50	Sáu phẩy năm
35	Phạm Thị Khuyên	8,00	Tám	75	Lãnh Thị Trọng	7,00	Bảy
36	Nông Ngọc Kiên	7,25	Bảy phẩy hai năm	76	Mã Thị Tú	8,00	Tám
37	Lương Thị Ngọc Lan	7,25	Bảy phẩy hai năm	77	Hoàng Huy Tuyên	6,75	Sáu phẩy bảy năm
38	Hà Thị Lan	7,50	Bảy phẩy năm	78	Nông Văn Tuyên	6,50	Sáu phẩy năm
39	Nông Thị Lành	7,50	Bảy phẩy năm	79	Phương Ánh Tuyết	3,00	Ba
40	Triệu Thị Liên	8,00	Tám	80	Mạc Thị Vè	6,25	Sáu phẩy hai năm

Điểm 3,00: 02 điểm; Điểm 4,25: 02 điểm; Điểm 5,00: 04 điểm; Điểm 5,25: 03 điểm; Điểm 5,75: 03 điểm; Điểm 6,00: 09 điểm; Điểm 6,25: 06 điểm; Điểm 6,50: 08 điểm; Điểm 6,75: 05 điểm; Điểm 7,00: 10 điểm; Điểm 7,25: 07 điểm; Điểm 7,50: 06 điểm; Điểm 7,75: 02 điểm; Điểm 8,00: 10 điểm./.

GHI ĐIỂM

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

*Chu*

*Đoàn Thị Vân Thúy*



*Trịnh Thị Ánh Hoa*

Bé Thị Hương

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa